

MÃ ĐỀ: 116

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Nguyên nhân nào khiến miền Tây Trung Quốc hình thành các vùng hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn?

- A. Ảnh hưởng của núi ở phía đông. B. Có diện tích quá lớn.
C. Khí hậu ôn đới hải dương ít mưa. D. Khí hậu ôn đới lục địa khắc

nghiệt.

Câu 2. Vì sao dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông?

- A. Miền Đông là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc.
B. Miền Đông có điều kiện tự nhiên thuận lợi, dễ dàng cho giao lưu.
C. Miền Đông ít thiên tai.
D. Miền Đông không có lũ lụt đe dọa hằng năm.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004
(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	1985	1995	2000	2002	2004
Chè	834	888	898	913	943
Cao su	300	395	421	429	420

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích trồng chè và cao su tăng liên tục qua các năm.
B. Diện tích trồng chè tăng chậm hơn so với diện tích trồng cao su.
C. Diện tích trồng cao su tăng nhanh hơn so với diện tích trồng chè.
D. Diện tích trồng cao su tăng nhưng không ổn định.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004
(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	1985	1995	2000	2004
Xuất khẩu	27,4	148,8	249,2	593,4
Nhập khẩu	42,3	129,1	225,1	560,7

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu của Trung Quốc, biểu đồ thích hợp nhất là gì?

- A. Tròn. B. Cột. C. Đường. D. Miền.

Câu 5. Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là gì?

- A. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.
B. Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.
C. Phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại.

D. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

Câu 6. Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp nào sau đây tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á?

- A. Công nghiệp dệt may, da giày.
- B. Công nghiệp khai thác than và khoáng sản kim loại.
- C. Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.
- D. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

Câu 7. Các nước Đông Nam Á nào sau đây có ngành khai thác dầu khí phát triển nhanh trong những năm gần đây?

- A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
- B. Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.
- C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan.
- D. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Mi-an-ma.

Câu 8. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm nào?

- A. 1967.
- B. 1984.
- C. 1995.
- D. 1997.

Câu 9. Cho đến năm 2015, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

- A. Đông Ti-mo.
- B. Lào.
- C. Mi-an-ma.
- D. Bru-nây.

Câu 10. Các nước nào sau đây đứng hàng đầu về xuất khẩu lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Lào, In-đô-nê-xi-a.
- B. Thái Lan, Việt Nam.
- C. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a.
- D. Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm nào?

- A. 1967.
- B. 1977.
- C. 1995.
- D. 1997.

Câu 12. Ý nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.
- B. Sử dụng chung một loại tiền.
- C. Chịu sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
- D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy trình bày các biện pháp phát triển nông nghiệp của Trung Quốc.

Câu 2. (3,0 điểm)

So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

Câu 3. (2,0 điểm)

Đánh giá những thuận lợi về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 117

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Tại sao hầu hết các nước Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản?

- A. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa. B. Có nhiều kiểu, dạng địa hình.
C. Nằm trong vành đai sinh khoáng. D. Nằm ở vành đai núi lửa Thái Bình

Dương.

Câu 2. Vì sao các nước ở Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng?

- A. Có số dân đông, nhiều quốc gia.
B. Nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn.
C. Cầu nối giữa lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.
D. Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG ĐÀN TRÂU VÀ ĐÀN BÒ CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	1985	1995	2000	2001	2004
Trâu	19547	22926	22595	22765	22287
Bò	62714	100556	104554	106060	112537

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Số lượng đàn trâu và đàn bò tăng liên tục qua các năm.
B. Tốc độ tăng số lượng đàn trâu nhanh hơn đàn bò.
C. Số lượng đàn bò luôn lớn hơn đàn trâu.
D. Số lượng đàn bò tăng đều qua các năm.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	1985	1995	2000	2002	2004
Chè	834	888	898	913	943
Cao su	300	395	421	429	420

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích một số cây công nghiệp của Trung Quốc thời kì 1985 – 2004, biểu đồ thích hợp nhất là gì?

- A. Tròn. B. Cột. C. Đường. D. Miền.

Câu 5. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm nào?

- A. 1967. B. 1984. C. 1995. D. 1997.

Câu 6. Cho đến năm 2015, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

- A. Đông Ti-mo. B. Lào. C. Mi-an-ma. D. Bru-nây.

Câu 7. Các nước Đông Nam Á nào sau đây có ngành khai thác dầu khí phát triển nhanh trong những năm gần đây?

- A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam. B. Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.
C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan. D. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Mi-an-ma.

Câu 8. Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
B. Giảm tỉ trọng khu vực I và khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực III.
C. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
D. Tỉ trọng các khu vực không thay đổi nhiều.

Câu 9. Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?

- A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. B. Trồng lúa nước.
C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà. D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 10. Các nước nào sau đây đứng hàng đầu về xuất khẩu lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Lào, In-đô-nê-xi-a. B. Thái Lan, Việt Nam.
C. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a. D. Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm nào?

- A. 1967. B. 1977. C. 1995. D. 1997.

Câu 12. Ý nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.
B. Sử dụng chung một loại tiền.
C. Chịu sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy trình bày các thành tựu sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc.

Câu 2. (3,0 điểm)

So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

Câu 3. (2,0 điểm)

Đánh giá những khó khăn về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 111

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Nguyên nhân nào khiến miền Tây Trung Quốc hình thành các vùng hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn?

- A. Ảnh hưởng của núi ở phía đông. B. Có diện tích quá lớn.
C. Khí hậu ôn đới hải dương ít mưa. D. Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.

Câu 2. Vì sao dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông?

- A. Miền Đông là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc.
B. Miền Đông có điều kiện tự nhiên thuận lợi, dễ dàng cho giao lưu.
C. Miền Đông ít thiên tai.
D. Miền Đông không có lũ lụt đe dọa hằng năm.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004
(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	1985	1995	2000	2002	2004
Chè	834	888	898	913	943
Cao su	300	395	421	429	420

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích trồng chè và cao su tăng liên tục qua các năm.
B. Diện tích trồng chè tăng chậm hơn so với diện tích trồng cao su.
C. Diện tích trồng cao su tăng nhanh hơn so với diện tích trồng chè.
D. Diện tích trồng cao su tăng nhưng không ổn định.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004
(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	1985	1995	2000	2004
Xuất khẩu	27,4	148,8	249,2	593,4
Nhập khẩu	42,3	129,1	225,1	560,7

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu của Trung Quốc, biểu đồ thích hợp nhất là gì?

- A. Tròn. B. Cột. C. Đường. D. Miền.

Câu 5. Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là gì?

- A. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.
B. Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.
C. Phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại.

D. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

Câu 6. Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp nào sau đây tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á?

- A. Công nghiệp dệt may, da giày.
- B. Công nghiệp khai thác than và khoáng sản kim loại.
- C. Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.
- D. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

Câu 7. Các nước Đông Nam Á nào sau đây có ngành khai thác dầu khí phát triển nhanh trong những năm gần đây?

- A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
- B. Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.
- C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan.
- D. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Mi-an-ma.

Câu 8. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm nào?

- A. 1967.
- B. 1984.
- C. 1995.
- D. 1997.

Câu 9. Cho đến năm 2015, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

- A. Đông Ti-mo.
- B. Lào.
- C. Mi-an-ma.
- D. Bru-nây.

Câu 10. Các nước nào sau đây đứng hàng đầu về xuất khẩu lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Lào, In-đô-nê-xi-a.
- B. Thái Lan, Việt Nam.
- C. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a.
- D. Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm nào?

- A. 1967.
- B. 1977.
- C. 1995.
- D. 1997.

Câu 12. Ý nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.
- B. Sử dụng chung một loại tiền.
- C. Chịu sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
- D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

Hãy trình bày các biện pháp phát triển nông nghiệp của Trung Quốc.

Câu 2. (4,0 điểm)

- a. Hãy kể tên các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á lục địa.
- b. So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

Câu 3. (2,0 điểm)

Đánh giá những thuận lợi về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

MÃ ĐỀ: 112

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Tại sao hầu hết các nước Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản?

- A. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa. B. Có nhiều kiểu, dạng địa hình.
C. Nằm trong vành đai sinh khoáng. D. Nằm ở vành đai núi lửa Thái Bình Dương.

Câu 2. Vì sao các nước ở Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng?

- A. Có số dân đông, nhiều quốc gia.
B. Nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn.
C. Cầu nối giữa lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.
D. Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG ĐÀN TRÂU VÀ ĐÀN BÒ CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	1985	1995	2000	2001	2004
Trâu	19547	22926	22595	22765	22287
Bò	62714	100556	104554	106060	112537

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Số lượng đàn trâu và đàn bò tăng liên tục qua các năm.
B. Tốc độ tăng số lượng đàn trâu nhanh hơn đàn bò.
C. Số lượng đàn bò luôn lớn hơn đàn trâu.
D. Số lượng đàn bò tăng đều qua các năm.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC, THỜI KÌ 1985 - 2004

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	1985	1995	2000	2002	2004
Chè	834	888	898	913	943
Cao su	300	395	421	429	420

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích một số cây công nghiệp của Trung Quốc thời kì 1985 – 2004, biểu đồ thích hợp nhất là gì?

- A. Tròn. B. Cột. C. Đường. D. Miền.

Câu 5. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm nào?

- A. 1967. B. 1984. C. 1995. D. 1997.

Câu 6. Cho đến năm 2015, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

- A. Đông Ti-mo. B. Lào. C. Mi-an-ma. D. Bru-nây.

Câu 7. Các nước Đông Nam Á nào sau đây có ngành khai thác dầu khí phát triển nhanh trong những năm gần đây?

- A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam. B. Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.
C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan. D. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Mi-an-ma.

Câu 8. Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
B. Giảm tỉ trọng khu vực I và khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực III.
C. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
D. Tỉ trọng các khu vực không thay đổi nhiều.

Câu 9. Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?

- A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. B. Trồng lúa nước.
C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà. D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 10. Các nước nào sau đây đứng hàng đầu về xuất khẩu lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Lào, In-đô-nê-xi-a. B. Thái Lan, Việt Nam.
C. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a. D. Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm nào?

- A. 1967. B. 1977. C. 1995. D. 1997.

Câu 12. Ý nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.
B. Sử dụng chung một loại tiền.
C. Chịu sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

Hãy trình bày các thành tựu sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc.

Câu 2. (4,0 điểm)

- a. Hãy kể tên các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á biển đảo.
b. So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

Câu 3. (2,0 điểm)

Đánh giá những khó khăn về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 115

ĐỀ HÒA NHẬP

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1. Quốc gia Đông Nam Á nào dưới đây **không** có đường biên giới với Trung Quốc?

- A. Việt Nam. B. Lào. C. Mi-an-ma. D. Thái Lan.

Câu 2. Sông nào sau đây không bắt nguồn từ miền Tây Trung Quốc?

- A. Trường Giang. B. Hoàng Hà. C. Hắc Long Giang. D. Mê Công.

Câu 3. Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là gì?

- A. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.
B. Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.
C. Phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại.
D. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

Câu 4. Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp nào sau đây tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á?

- A. Công nghiệp dệt may, da giày.
B. Công nghiệp khai thác than và khoáng sản kim loại.
C. Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.
D. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

Câu 5. Các nước Đông Nam Á nào sau đây có ngành khai thác dầu khí phát triển nhanh trong những năm gần đây?

- A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam. B. Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.
C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan. D. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Mi-an-ma.

Câu 6. Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
B. Giảm tỉ trọng khu vực I và khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực III.
C. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
D. Tỉ trọng các khu vực không thay đổi nhiều.

Câu 7. Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?

- A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. B. Trồng lúa nước.
C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà. D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 8. Các nước nào sau đây đứng hàng đầu về xuất khẩu lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á?

- A. Lào, In-đô-nê-xi-a. B. Thái Lan, Việt Nam.
C. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a. D. Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Câu 9. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm nào?

A. 1967. B. 1977. C. 1995. D. 1997.

Câu 10. Ý nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.
- B. Sử dụng chung một loại tiền.
- C. Chịu sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
- D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước.

Câu 11. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm nào?

A. 1967. B. 1984. C. 1995. D. 1997.

Câu 12. Cho đến năm 2015, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

A. Đông Ti-mo. B. Lào. C. Mi-an-ma. D. Bru-nây.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Hãy trình bày các biện pháp phát triển nông nghiệp và thành tựu sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc.

Câu 2. (3,0 điểm)

So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM BAN KHOA HỌC XÃ HỘI
MÃ ĐỀ 111

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1. D	2. B	3. A	4. D	5. B	6. C
7. A	8. C	9. A	10. B	11. A	12. B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm																		
1	Trình bày các biện pháp phát triển nông nghiệp của Trung Quốc. - Giao quyền sử dụng đất cho nông dân. - Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn: đường giao thông, hệ thống thủy lợi - Áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp. - Sử dụng giống mới, máy móc thiết bị hiện đại.	1,0đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ																		
2	a. Hãy kể tên các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á lục địa. Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Mianma. b. So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Đông Nam Á lục địa</th><th>Đông Nam Á biển đảo</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Địa hình</td><td>Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.</td><td>Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa</td></tr> <tr> <td>Khí hậu</td><td>Nhiệt đới gió mùa</td><td>Nhiệt đới gió mùa và xích đạo</td></tr> <tr> <td>Biển - Sông ngòi</td><td>Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.</td><td>Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.</td></tr> <tr> <td>Sinh vật</td><td>Rừng nhiệt đới</td><td>Rừng xích đạo</td></tr> <tr> <td>Khoáng sản</td><td>Than, sắt, thiếc, dầu khí</td><td>Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo	Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa	Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo	Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.	Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo	Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt	1,0đ 3,0đ 0,5đ 0,5đ 1,0đ 0,5đ 0,5đ
Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo																		
Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa																		
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo																		
Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.																		
Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo																		
Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt																		
3	Đánh giá những thuận lợi về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. * Thuận lợi miền Tây - Tài nguyên rừng, nhiều đồng cỏ giúp phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi. - Nơi bắt nguồn các sông lớn có giá trị thủy điện. - Nhiều khoáng sản để phát triển công nghiệp. * Thuận lợi miền Đông - Địa hình thấp, đất đai màu mỡ, khí hậu cận nhiệt gió mùa và ôn đới gió mùa, nhiều khoáng sản thuận lợi phát triển nông nghiệp và công nghiệp. - Vùng biển rộng thuận lợi phát triển kinh tế biển.	2,0đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ 0,75đ 0,25đ																		

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM BAN KHOA HỌC XÃ HỘI
MÃ ĐỀ 112

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1. C	2. D	3. C	4. C	5. C	6. A
7. A	8. A	9. B	10. B	11. A	12. B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm																		
1	Trình bày các thành tựu sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. - Một số sản phẩm nông nghiệp có sản lượng đứng hàng đầu thế giới. - Ngành trồng trọt đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu ngành nông nghiệp. - Nông sản phong phú: ngô, khoai tây, lúa gạo, lúa mì, chè, mía... - Nông nghiệp tập trung ở các đồng bằng phía đông.	1,0đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ																		
2	a. Hãy kể tên các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á biển đảo. Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Philipin, Đônghô, Brunây. b. So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo. <table> <tr> <th>Nội dung</th><th>Đông Nam Á lục địa</th><th>Đông Nam Á biển đảo</th></tr> <tr> <td>Địa hình</td><td>Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.</td><td>Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa</td></tr> <tr> <td>Khí hậu</td><td>Nhiệt đới gió mùa</td><td>Nhiệt đới gió mùa và xích đạo</td></tr> <tr> <td>Biển - Sông ngòi</td><td>Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.</td><td>Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.</td></tr> <tr> <td>Sinh vật</td><td>Rừng nhiệt đới</td><td>Rừng xích đạo</td></tr> <tr> <td>Khoáng sản</td><td>Than, sắt, thiếc, dầu khí</td><td>Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt</td></tr> </table>	Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo	Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa	Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo	Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.	Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo	Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt	1,0đ 3,0đ 0,5đ 0,5đ 1,0đ 0,5đ 0,5đ
Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo																		
Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa																		
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo																		
Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.																		
Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo																		
Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt																		
3	Đánh giá những khó khăn về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. * Khó khăn miền Tây - Khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc dẫn đến thiếu nước sinh hoạt và sản xuất. - Địa hình núi cao, hiểm trở, hạn chế giao thông vận tải và khó khai thác tài nguyên thiên nhiên. * Khó khăn miền Đông Nhiều bão, thường gây lũ lụt ở các đồng bằng gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất	2,0đ 0,5đ 0,75đ 0,75đ																		

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM**MÃ ĐỀ 115 (HÒA NHẬP)****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

1. D	2. C	3. B	4. C	5. A	6. A
7. B	8. B	9. A	10. B	11. C	12. A

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm		
1	Hãy trình bày các biện pháp phát triển nông nghiệp và thành tựu sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc.	4,0đ		
	* Biện pháp	0,5đ		
	- Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.	0,5đ		
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn: đường giao thông, hệ thống thủy lợi	0,5đ		
	- Áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp.	0,5đ		
	- Sử dụng giống mới, máy móc thiết bị hiện đại.			
	* Thành tựu	0,5đ		
	- Một số sản phẩm nông nghiệp có sản lượng đứng hàng đầu thế giới.	0,5đ		
	- Ngành trồng trọt đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu ngành nông nghiệp.	0,5đ		
	- Nông sản phong phú: ngô, khoai tây, lúa gạo, lúa mì, chè, mía...	0,5đ		
- Nông nghiệp tập trung ở các đồng bằng phía đông.	0,5đ			
2	So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.			
	Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo	3,0đ
	Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa	0,5đ
	Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo	0,5đ
	Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.	1,0đ
	Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo	0,5đ
	Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt	0,5đ

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM BAN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
MÃ ĐỀ 116

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1. D	2. B	3. A	4. D	5. B	6. C
7. A	8. C	9. A	10. B	11. A	12. B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm																		
1	Trình bày các biện pháp phát triển nông nghiệp của Trung Quốc. - Giao quyền sử dụng đất cho nông dân. - Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn: đường giao thông, hệ thống thủy lợi - Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. - Sử dụng giống mới, máy móc thiết bị hiện đại.	2,0đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ																		
2	So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Đông Nam Á lục địa</th><th>Đông Nam Á biển đảo</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Địa hình</td><td>Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.</td><td>Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa</td></tr> <tr> <td>Khí hậu</td><td>Nhiệt đới gió mùa</td><td>Nhiệt đới gió mùa và xích đạo</td></tr> <tr> <td>Biển - Sông ngòi</td><td>Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.</td><td>Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.</td></tr> <tr> <td>Sinh vật</td><td>Rừng nhiệt đới</td><td>Rừng xích đạo</td></tr> <tr> <td>Khoáng sản</td><td>Than, sắt, thiếc, dầu khí</td><td>Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo	Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa	Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo	Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.	Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo	Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt	3,0đ 0,5đ 0,5đ 1,0đ 0,5đ 0,5đ
Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo																		
Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa																		
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo																		
Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.																		
Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo																		
Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt																		
3	Đánh giá những thuận lợi về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. * Thuận lợi miền Tây - Tài nguyên rừng, nhiều đồng cỏ giúp phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi. - Nơi bắt nguồn các sông lớn có giá trị thủy điện. - Nhiều khoáng sản để phát triển công nghiệp. * Thuận lợi miền Đông - Địa hình thấp, đất đai màu mỡ, khí hậu cận nhiệt gió mùa và ôn đới gió mùa, nhiều khoáng sản thuận lợi phát triển nông nghiệp và công nghiệp. - Vùng biển rộng thuận lợi phát triển kinh tế biển.	2,0đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ 0,75đ 0,25đ																		

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM BAN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
MÃ ĐỀ 117

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1. C	2. D	3. C	4. C	5. C	6. A
7. A	8. A	9. B	10. B	11. A	12. B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Thang điểm																		
1	Trình bày các thành tựu sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. - Một số sản phẩm nông nghiệp có sản lượng đứng hàng đầu thế giới. - Ngành trồng trọt đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu ngành nông nghiệp. - Nông sản phong phú: ngô, khoai tây, lúa gạo, lúa mì, chè, mía... - Nông nghiệp tập trung ở các đồng bằng phía đông.	2,0đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ																		
2	So sánh đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Đông Nam Á lục địa</th><th>Đông Nam Á biển đảo</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Địa hình</td><td>Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.</td><td>Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa</td></tr> <tr> <td>Khí hậu</td><td>Nhiệt đới gió mùa</td><td>Nhiệt đới gió mùa và xích đạo</td></tr> <tr> <td>Biển - Sông ngòi</td><td>Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.</td><td>Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.</td></tr> <tr> <td>Sinh vật</td><td>Rừng nhiệt đới</td><td>Rừng xích đạo</td></tr> <tr> <td>Khoáng sản</td><td>Than, sắt, thiếc, dầu khí</td><td>Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo	Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa	Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo	Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.	Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo	Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt	3,0đ 0,5đ 0,5đ 1,0đ 0,5đ 0,5đ
Nội dung	Đông Nam Á lục địa	Đông Nam Á biển đảo																		
Địa hình	Bị chia cắt mạnh, nhiều núi, cao nguyên, ven biển có các đồng bằng lớn.	Nhiều đảo, ít đồng bằng, nhiều đồi núi, núi lửa																		
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Nhiệt đới gió mùa và xích đạo																		
Biển - Sông ngòi	Phần lớn các nước giáp biển (trừ Lào). Nhiều sông lớn, dày đặc.	Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng. Sông ít, ngắn, dốc.																		
Sinh vật	Rừng nhiệt đới	Rừng xích đạo																		
Khoáng sản	Than, sắt, thiếc, dầu khí	Dầu mỏ, than, đồng, khí đốt																		
3	Đánh giá những khó khăn về mặt tự nhiên của miền Tây và miền Đông đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. * Khó khăn miền Tây - Khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc dẫn đến thiếu nước sinh hoạt và sản xuất. - Địa hình núi cao, hiểm trở, hạn chế giao thông vận tải và khó khai thác tài nguyên thiên nhiên. * Khó khăn miền Đông Nhiều bão, thường gây lũ lụt ở các đồng bằng gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất	2,0đ 0,5đ 0,75đ 0,75đ																		

(Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác ý nhưng cùng nội dung vẫn chấm điểm)

.....HẾT.....